

Một số yếu tố tác động làm biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Nguyễn Thẩm Thu Hà¹

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hoahongreu19811983@yahoo.com

Nhận ngày 4 tháng 9 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 10 năm 2020.

Tóm tắt: Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trong đó, dân tộc Kinh chiếm đại đa số, còn 53 dân tộc chiếm 13% tổng dân số cả nước. Các dân tộc thiểu số sống đan xen tại các tỉnh miền núi, trải đều khắp các vùng miền. Các yếu tố văn hóa đặc sắc của từng dân tộc, từng vùng kết hợp lại với nhau tạo nên bản sắc dân tộc Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Tuy nhiên, trong thời kỳ đổi mới ở nước ta, những biến đổi to lớn trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa, giao lưu và hội nhập quốc tế... đã có những tác động sâu sắc, toàn diện đến đời sống văn hóa của từng tộc người, hình thành bức tranh sinh động và phức tạp. Những biến đổi này thể hiện trên cả hai mặt tích cực và tiêu cực, thậm chí đã có những biểu hiện rất rõ của chiều hướng mất dần truyền thống. Để lý giải điều đó, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích các yếu tố tác động đến biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Từ khóa: Yếu tố tác động, biến đổi văn hóa, dân tộc thiểu số, Việt Nam.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: Vietnam is a multi-ethnic country, in which the Kinh group makes up the majority, while the other 53 ethnic groups account for 13% of the total population, living in an intermixed manner in mountainous provinces and spreading evenly across regions. The unique cultural elements of each ethnic group and each region are combined to create a Vietnamese national identity of unity in diversity. However, during the *đổi mới*, or renovation, period in the country, major changes in the transition of the economic structure towards industrialisation, modernisation, market economy development, openness, international exchanges and integration... have had profound and comprehensive impacts on the cultural life of each ethnic group, forming a vivid and complex picture. The changes are in both positive and negative manners, and there have even been clear signs of a tendency of traditions gradually disappearing. To explain that, in this article, we focus on analysing the factors which result in changes in the culture of Vietnam's ethnic minorities.

Keywords: Impact factors, change in the culture, ethnic minorities, Vietnam.

Subject classification: Ethnology

1. Dẫn nhập

Sự phát triển, biến đổi là quy luật của bất kỳ một sự kiện, hiện tượng nào. Văn hóa cũng không nằm ngoài quy luật chung đó. Trong quá trình tiếp biến văn hóa, có những nền văn hóa đã thanh lọc để giữ lại được bản sắc văn hóa, đồng thời tiếp thu tinh hoa của các nền văn hóa khác để làm phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc mình, tạo nên tính đa dạng văn hóa. Nhưng cũng chính trong quá trình thanh lọc ấy, những yếu tố lạc hậu, phong tục tập quán lỗi thời không dễ gì bị loại bỏ, đồng thời là sự du nhập của các yếu tố “phản văn hóa” đã cản trở làm ảnh hưởng tiêu cực tới các giá trị văn hóa dân tộc. Bởi vậy, vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và toàn cầu hóa văn hóa như hiện nay là hết sức cần thiết.

Để đưa ra được những giải pháp phù hợp sao cho vừa giữ được bản sắc, diện mạo nói riêng của văn hóa các tộc người thiểu số, vừa loại bỏ được những yếu tố đã lỗi thời, lạc hậu; khắc phục được những yếu tố đang bị các thế lực thù địch lợi dụng; qua đó hình thành, bổ sung thêm những giá trị mới phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước hiện nay, ngoài việc tìm hiểu thực trạng biến đổi văn hóa của các tộc người, cần phải quan tâm đến nguyên nhân dẫn đến biến đổi đó. Vì thế, trong khuôn khổ bài viết này, trên cơ sở tổng quan các tài liệu, các công trình khoa học đã được công bố cùng với kết quả nghiên cứu điền dã của bản thân trong nhiều năm, chúng tôi tập trung phân tích một số các yếu tố điển hình tác động đến biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

2. Thực trạng biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số

2.1. Sự mai một các yếu tố văn hóa truyền thống

Thực tế cho thấy, đời sống văn hóa truyền thống các tộc người thiểu số nước ta đã có sự biến đổi mạnh mẽ trên cả lĩnh vực văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Những giá trị văn hóa vốn được xem là đặc trưng, là bản sắc độc đáo của tộc người có nguy cơ bị mai một. Các tộc người thiểu số như người Ba-na, người Xơ-đăng ở Tây Nguyên, người Kơ-me, người Chăm ở Nam Trung Bộ, người Tày, Thái, Mường ở Tây Bắc,... đã không còn sử dụng thường xuyên trang phục truyền thống của tộc người. Kiến trúc nhà ở bị pha tạp, mất đi vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc của kiến trúc truyền thống, điều này thể hiện rõ qua sự thay đổi ở không gian, cảnh quan làng bản, kiểu nhà và vật liệu làm nhà, không gian nội thất, chức năng từng phần trong ngôi nhà. Âm thực biến đổi theo hướng văn hóa ẩm thực của dân tộc Kinh. Nghề thủ công truyền thống của các dân tộc có chiều hướng bị mất dần do ảnh hưởng của thương mại hóa. Các lễ hội dân gian, phong tục tập quán truyền thống dần ít được thực hành, các sinh hoạt văn hóa dân gian như dân ca, dân vũ bị suy giảm, nhiều nhạc cụ dân tộc không còn được nhiều người biết sử dụng.

Ngôn ngữ truyền thống được coi là linh hồn của văn hóa dân tộc, là phương tiện để chuyển tải, trao truyền nghệ thuật, phong tục tập quán của các tộc người. Tuy nhiên, hiện nay cách thức sử dụng ngôn ngữ tộc người đã có sự thay đổi khá lớn. Cùng với việc tiếng phổ thông được sử dụng ngày càng phổ biến trong giao lưu, trao đổi mua bán hàng hóa, trong các công việc hành chính, trong giáo dục khiến cho các tộc người thiểu số

phải học và sử dụng thành thạo tiếng phổ thông để hòa nhập. Ở những tộc người Tày, Thái, Mường, ngôn ngữ phổ thông khá phát triển, hiện trong mỗi bản hầu như chỉ còn một số người cao tuổi không nói được tiếng phổ thông. Ở một số tộc người như Hmông, Dao, Lô Lô, Chứt, Ba-na, Xơ-đăng, Kơ-me,... việc sử dụng tiếng phổ thông có hạn chế hơn, chủ yếu là ở những người trong độ tuổi trung niên, người già và phụ nữ, song hầu hết thanh niên và trẻ em đều có thể sử dụng tốt tiếng phổ thông. Chính điều này đã làm cho ngôn ngữ tộc người ít được sử dụng dẫn đến mai một dần.

2.2. Sự nảy sinh các giá trị văn hóa mới

Trong những năm gần đây, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trở nên phổ biến trong cộng đồng các tộc người thiểu số. Những tri thức truyền thống được tiếp nhận thêm những giá trị mới, tiến bộ. Ngày nay, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số đã biết phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn - rừng, vườn - nhà hoặc sản xuất trong những ngành nghề mới như nuôi bò sữa, trồng cà phê... rất hiệu quả, từ đó từng bước cải thiện đời sống của đồng bào. Bên cạnh đó, các tri thức truyền thống trong chăm sóc sức khỏe của các tộc người cũng có sự biến đổi, hiện nay đa phần đồng bào dân tộc thiểu số chữa bệnh bằng thuốc tây; y học cổ truyền không còn giữ vị trí độc tôn như trước đây.

Các tộc người thiểu số đã chịu ảnh hưởng và tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa của người Kinh, đặc biệt là trong văn hóa vật chất, như: ẩm thực, nhà cửa, trang phục, phong tục tập quán... Mỗi tộc người chịu sự ảnh hưởng của văn hóa Kinh ở những mức độ khác nhau, song có thể nhận thấy đa phần các tộc người hiện nay đều có sự

kết hợp giữa văn hóa truyền thống của tộc người mình với văn hóa của người Kinh, tạo nên những nét riêng ở mỗi tộc người. Chẳng hạn như trong đám cưới, các lễ nghi đều diễn ra theo phong tục của từng tộc người, song quá trình tổ chức đám cưới lại mang đậm sự ảnh hưởng của người Kinh, như: bắc phông rạp, mở những bài hát đám cưới bằng tiếng phổ thông, mâm cỗ cưới có nhiều món ăn của người Kinh như giò, nem, tôm...

Việc sử dụng phổ biến các phương tiện nghe nhìn hiện đại giúp các tộc người thiểu số có thể nhanh chóng cập nhật về thông tin trong và ngoài nước, đồng thời còn giúp họ tiếp thu những yếu tố mới mà họ cho là phổ thông, hiện đại, hợp mốt,... Từ đó, những giá trị văn hóa mới tiếp tục nảy sinh trong đời sống văn hóa tộc người.

2.3. Giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống

Kể từ khi đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển, nâng cao mọi mặt đời sống các tộc người thiểu số; đầu tư nguồn kinh phí lớn trong triển khai các chương trình nghiên cứu về văn hóa các dân tộc; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sưu tầm văn học dân gian; khuyến khích bảo tồn các buôn làng cổ truyền, phát triển nghề thủ công và khôi phục các lễ hội văn hóa. Từ đó, các hoạt động văn hóa dân tộc có quy mô lớn như: ngày hội văn hóa và thể thao các dân tộc, liên hoan công chiêng, liên hoan ca múa nhạc dân gian, triển lãm trang phục các dân tộc,... đã được tổ chức thường xuyên ở các cấp từ thôn bản đến huyện tỉnh và quốc gia, tạo không gian, môi trường cho các sinh hoạt văn hóa của các tộc người thiểu số hoạt động, qua đó, góp phần

gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống của các tộc người.

Bên cạnh đó, trong nhiều năm trở lại đây, cùng với sự phát triển ngày càng nhanh của hoạt động du lịch, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số như phục dựng các lễ hội, nghề thủ công truyền thống và ẩm thực dân tộc, lồng ghép với các hoạt động du lịch, đã góp phần phát triển kinh tế tại các địa phương, đem lại thu nhập cho chính các tộc người thiểu số và góp phần quảng bá rộng rãi văn hóa các tộc người thiểu số trong và ngoài nước. Ví dụ như người Thái, Mường ở Mộc Châu, Sơn La hay người Lô Lô ở Lũng Cú, Hà Giang nhận được sự hỗ trợ của các công ty du lịch để xây mới hoặc trùng tu, cải tạo ngôi nhà truyền thống phục vụ cho mục đích phát triển du lịch. Các lễ hội truyền thống như lễ hội Gầu Tào của người Hmông, lễ đâm trâu của người Ba-na, lễ hội Ka tê của người Chăm... là những lễ hội lớn đặc trưng của tộc người, trở thành lễ hội của vùng miền với sự tham gia của nhiều nhóm tộc người trong khu vực, thu hút sự quan tâm, chú ý của khách du lịch trong và ngoài nước, qua đó góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các tộc người.

3. Các yếu tố tác động làm biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số

3.1. Sự biến đổi đặc điểm nơi cư trú của các dân tộc thiểu số và sự di dân của các tộc người

Các dân tộc thiểu số ở nước ta cư trú chủ yếu ở khu vực miền núi. Như ở phía Bắc, xét theo đai điều kiện tự nhiên từ thấp đến cao, người Thái, Mường, Tày, Nùng,... cư

trú ở vùng thấp, trong các thung lũng ven chân núi; còn các khu vực sườn núi (vùng giữa) là địa bàn cư trú của người Dao, Khơ-mú, Xinh-mun,...; khu vực rẻo cao là nơi cư trú của người Hmông, Lô Lô... Ở Tây Nguyên, các tộc người lại cư trú thành các khu vực tương đối độc lập, như: vùng Đông Bắc cao nguyên Pleiku kéo đến Đông Nam Kon Tum và Tây Bình Định là nơi sinh sống của người Ba-na; khu vực Đông Nam cao nguyên Pleiku đến chân núi Chư Dliêya là nơi cư trú của người Gia Rai; gần trọn cao nguyên Đăk Nông và một phần cao nguyên Di Linh là khu vực sinh sống của người Mnông, kế tiếp là khu vực người Mạ [9]. Ở Nam Bộ, do bị chi phối bởi môi trường tự nhiên, truyền thống văn hóa, hình thái tụ cư, cụ thể người Khơ-me có các hình thái cư trú: cư trú trên đất giồng, cư trú trên đất ruộng, cư trú ven theo kênh và các con rạch nhỏ, cư trú dọc theo trục lộ giao thông, cư trú dạng “vành khăn” ven chân núi. Đặc điểm cư trú trên đã có tác động không nhỏ đến việc hình thành đặc trưng văn hóa của các tộc người, tiêu biểu người Thái, Mường, Tày đã hình thành nên nền văn hóa thung lũng với những đặc trưng như nhà sàn, hệ thống *mương, phai, lái, lịn*. Tuy nhiên, hiện nay, dưới tác động của nhiều yếu tố, cách bố trí làng bản theo những kiểu cách truyền thống của mỗi dân tộc và mỗi vùng không còn như xưa, chẳng hạn các hình thức bố trí làng bản của các tộc người ở Tây Nguyên theo kiểu làng vành khuyên, làng hình tròn, hình bầu dục đã thay đổi, thay vào đó là phổ biến khuynh hướng quy hoạch nhà trong làng theo kiểu kiến trúc đường phố.

Thêm nữa, các tộc người thiểu số có xu hướng chuyển xuống sinh sống ở những vùng thấp hơn, gần đường giao thông,

thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu trao đổi buôn bán; nhiều ngôi nhà được chuyển từ nơi được cho là tiện lợi cho việc đi rừng, ra đồng ruộng, lên nương trước kia ra những vị trí gần mặt đường chính của thôn hay đường liên thôn, liên xã để thuận lợi cho việc đi lại vì nhiều gia đình đã có xe máy. Họ cũng không còn tụ cư thành từng bản mà tùy thuộc vào điều kiện kinh tế và tự nhiên để làm nhà. Những ngôi nhà truyền thống đã dần được thay thế bằng nhà xây kiên cố giống người Việt hoặc đã được cải tiến thành ngôi nhà sàn hiện đại nhằm phù hợp với điều kiện sống hiện tại. Một số tộc người như Mường, Thái, Hmông, Ba-na,... đã xuất hiện những ngôi nhà được xây phối hợp giữa truyền thống và hiện đại. Ngoài ra, một số hình thức kiến trúc gắn với tín ngưỡng cũng thay đổi, đặc biệt là hình thức nhà mồ của người Thái, các dân tộc ở Tây Nguyên, không còn giữ được những nét riêng độc đáo nữa, nhất là các kiểu trang trí và tượng nhà mồ [5].

Sự di dân của các tộc người đã làm gia tăng việc cư trú xen cài giữa các dân tộc. Một số dân tộc như Tày, Nùng, Mường, Thái, Hmông, Dao... trước đây chủ yếu chỉ cư trú tại miền núi phía Bắc, nay đã có mặt ở nhiều nơi thuộc các tỉnh phía Nam, nhất là Tây Nguyên. Điều này có tác động không nhỏ đến sự biến đổi văn hóa của các tộc người thiểu số. Xu hướng này cũng là nguyên nhân làm mai một nhiều đặc điểm văn hóa tộc người về ăn, mặc, ở, các yếu tố tín ngưỡng truyền thống, nghi lễ gia đình, lễ hội,... Ở nhiều nơi, sự cư trú của các tộc người bị xáo trộn do các chương trình định canh định cư, họ phải di chuyển đến sinh sống trong những ngôi làng định cư dưới sự hỗ trợ của Nhà nước. Những ngôi làng kiểu này thường

được sắp xếp theo quy hoạch, các ngôi nhà được xây dựng sẵn bằng những nguyên vật liệu hiện đại,... Những ngôi nhà được xây dựng ở những khu tái định cư này lại không phù hợp với tập quán truyền thống của đồng bào. Chẳng hạn, người Thái đặt bàn thờ tổ tiên ở góc trái của ngôi nhà nhưng ở khu tái định cư Tân Lập (Sơn La), chủ đầu tư lại thiết kế nơi đặt bàn thờ ở gian giữa nhà giống như người Kinh; những ngôi nhà được xây dựng gần kề nhau trên một vạt đất được cày ủi bằng phẳng, chia lô giống như phố của miền xuôi đã làm thay đổi không gian làng, bản thành những mảng màu kiến trúc kiểu đô thị. Bên cạnh đó, hình thức định cư phổ biến của các tộc người thiểu số là sinh sống quần tụ thành từng bản, làng theo từng dòng họ, gắn kết chặt chẽ với nhau trong những sinh hoạt văn hóa, những nghi lễ, tôn giáo tín ngưỡng có tính cố kết cộng đồng. Khi chuyển đến sinh sống trong những khu tái định cư, các thành viên trong làng bản bị phân chia về nhiều khu khác nhau; chính vì vậy việc di chuyển dân đến vùng tái định cư đã phá vỡ các mối quan hệ làng bản, tính cố kết cộng đồng, dòng họ và đương nhiên, sẽ làm các phong tục tập quán của đồng bào dần dần bị thay đổi dẫn đến biến mất [1].

Có thể thấy những thay đổi của địa bàn cư trú truyền thống đã làm thay đổi không gian văn hóa truyền thống của tộc người. Môi trường để duy trì các sinh hoạt văn nghệ dân gian, các điểm vui chơi truyền thống của thanh niên nam nữ các tộc người thiểu số như: hang động, đồi núi, các dải đồi, cánh đồng, nương bãi ven các con đường lớn theo đó cũng không còn, khiến cho các loại hình văn nghệ dân gian, các trò chơi dân gian dần bị mai một. Trong những năm vừa qua, phong tục hát

Lượn Cọi của người Tày, hát *Sọng Cô* của người Sán Dìu cũng không được duy trì thường xuyên. Những lễ hội, nghi lễ tín ngưỡng gắn với những vị thần, gắn với những tập quán sản xuất truyền thống của tộc người cũng dần mai một hoặc nếu có được bảo tồn thì cũng không còn nhiều ý nghĩa trong đời sống tộc người. Rõ ràng, khi không gian sống, không gian sinh tồn bị thay đổi mạnh mẽ thì vấn đề bảo tồn văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số sẽ gặp nhiều khó khăn.

3.2. Yếu tố giao lưu, tiếp biến văn hóa

Văn hóa là yếu tố động, thường xuyên có sự biến đổi, không có tộc người nào tồn tại một cách hoàn toàn biệt lập mà không giao lưu văn hóa với các cộng đồng người lân cận. Sự giao lưu văn hóa thường dẫn đến tiếp biến văn hóa, tức là tiếp thu, biến đổi những yếu tố văn hóa du nhập từ bên ngoài thành những yếu tố văn hóa tộc người. Chính nhờ sự giao lưu văn hóa mà các nền văn hóa và các tộc người mới có thêm các nguồn lực ngoại sinh để tự điều chỉnh, cách tân và phát triển. Các hoạt động giao lưu tiếp biến văn hóa diễn ra trên tất cả các khía cạnh của đời sống văn hóa tộc người và kết quả của các hoạt động giao lưu tiếp biến văn hóa thường được phản ánh rõ nét nhất trong ngôn ngữ, trang phục, nhà cửa, tri thức dân gian, phong tục tập quán của tộc người. Vì vậy, khi sự giao lưu tiếp biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ sẽ khiến cho nền văn hóa truyền thống của tộc người có sự biến đổi lớn.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, các tộc người lại cư trú xen kẽ lẫn nhau trong một thời gian dài nên hiện tượng giao lưu tiếp

biến văn hóa giữa các tộc người thiểu số ở nước ta đã diễn ra từ lâu và có nhiều tác động đến nền văn hóa truyền thống của các tộc người. Trước đây, khi điều kiện sống còn nhiều khó khăn, các hoạt động giao lưu tiếp biến văn hóa thường diễn ra trong phạm vi hẹp, ở những cộng đồng dân tộc sống cận cư với nhau. Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống đường giao thông thuận tiện, phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa càng diễn ra mạnh mẽ và có phạm vi rộng lớn hơn.

Sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người thường diễn ra trong tất cả các hoạt động của đời sống tộc người. Các phiên chợ là nơi đồng bào mua bán các nhu yếu phẩm đồng thời cũng là nơi thu hút đông đảo các dân tộc khác nhau đến trao đổi mua bán. Tại đây, các tộc người đã gặp gỡ, trao đổi giao lưu không chỉ hàng hóa mà còn về văn hóa, chính điều này là một trong những nguyên nhân góp phần tạo nên những thay đổi trong tập quán sản xuất, tiêu dùng, tín ngưỡng và lễ hội... của tộc người. Lễ hội, các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các hoạt động tín ngưỡng, cưới xin, ma chay cũng là môi trường để hoạt động giao lưu tiếp biến văn hóa diễn ra. Nếu như trước kia các lễ hội thường được tổ chức ở quy mô cộng đồng của dân tộc thì nay có nhiều lễ hội không còn là của riêng một dân tộc nào đó nữa mà có cả các dân tộc khác cùng tham gia như lễ hội *Lồng tồng* của người Tày còn có cả người Nùng, người Dao, người Giáy, người Kinh... cùng tham gia; hay Chợ tình Khâu Vai ở Hà Giang là không gian sinh hoạt văn hóa chung của nhiều tộc người khác nhau trong vùng như người Hmông, Tày, Dao, Hoa, Lô Lô, Nùng, Giáy, Kinh...

Trải qua quá trình lâu dài tham gia các sinh hoạt này, các tộc người ngày càng lược bỏ dần những yếu tố mang tính bảo thủ, cổ hủ, lạc hậu trong văn hóa và bổ sung các yếu tố mới làm hiện đại, phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc mình.

Có thể nhận thấy một điểm chung là hầu hết các tộc người ở nước ta đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Kinh một cách rõ nét. Hiện nay, phần lớn các tộc người thiểu số đều mặc trang phục giống người Kinh, sử dụng thành thạo tiếng phổ thông, dựng nhà theo cấu trúc nhà ở, cơ cấu bữa ăn và cách chế biến món ăn, một số phong tục tập quán có nhiều nét tương đồng với người Kinh.

3.3. Yếu tố chuyển đổi tôn giáo, tín ngưỡng

Dưới tác động lịch sử cũng như do những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa bàn cư trú, một số tộc người thiểu số nước ta đã có sự chuyển đổi trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng từ tín ngưỡng truyền thống sang một số tôn giáo khác như Tin Lành, Công giáo, Phật giáo,... Việc chuyển đổi tôn giáo tín ngưỡng đã có tác động không nhỏ và gây ra nhiều biến đổi trong đời sống văn hóa của các tộc người. Chẳng hạn, một bộ phận đáng kể người Hmông bị ảnh hưởng bởi tôn giáo ngoại lai, nhất là đạo Tin Lành và tiến hành chuyển đổi tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành. Họ bỏ hầu hết các hình thức tín ngưỡng truyền thống để thực hành các tín lễ của đạo Tin Lành. Thậm chí, họ bỏ thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên; không còn tin vào thần rừng, thần núi, thần mùa màng như trước kia, vì thế, việc thực hành nghi lễ gắn liền với các đối tượng thiêng truyền thống cũng chấm dứt; họ còn bỏ thổi khèn,

bỏ hát dân ca,... Đặc biệt, sự xuất hiện của đạo Tin Lành bằng sự kiện “xung vua” Vàng Chứ đã không chỉ làm đảo lộn đời sống tâm linh truyền thống của người Hmông, khiến các tín ngưỡng truyền thống bị loại bỏ mà còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến phong trào di cư tự do ở tộc người này từ những năm đầu thập niên 90 thế kỷ XX đến nay [4].

Cộng đồng người Ba-na có nhiều người theo các tôn giáo, đa phần là theo đạo Công giáo và đạo Tin Lành. Đến nay, về cơ bản Công giáo đã hòa nhập được vào văn hóa của người Ba-na. Điều này được thể hiện khá rõ nét trong đời sống văn hóa hiện nay của cộng đồng người Ba-na theo Công giáo như sử dụng công chiêng trong các dịp thánh lễ của Công giáo, hát thánh ca theo các làn điệu dân ca Ba-na như hát *xoi*, hát *thri* [2, tr. 201]. Khi theo các tôn giáo này, người Ba-na cũng tuân theo những quy định và giáo lý của tôn giáo, vì vậy đời sống tín ngưỡng, phong tục tập quán truyền thống của họ đã có nhiều biến đổi. Theo đó, trong tang ma, mọi thủ tục và nghi lễ truyền thống đã được thay bằng các thủ tục và nghi lễ tang ma của các tôn giáo mà họ theo, tục để người chết trong nhà vài ba ngày, giết mổ gia súc, gia cầm để cúng bái, tục giữ mả và tổ chức lễ bỏ mả ít được thực hiện.

Hay người Xơ-đăng là một trong những tộc người thiểu số theo Công giáo sớm nhất ở tỉnh Kon Tum. Sự hiện diện của Công giáo trong cộng đồng người Xơ-đăng đã làm thay đổi đáng kể nhận thức, lối sống, quan niệm đạo đức và hành vi ứng xử của đồng bào. Từ đó có tác động không nhỏ đến đời sống kinh tế văn hóa của cộng đồng tộc người này. Hiện người Xơ-đăng đã loại bỏ được những sự ràng buộc của nhiều tập tục gây

phiên toái, tốn kém trong tang ma, lễ hội, cưới xin, sinh nở,... Tuy vậy, ở những vùng người Xơ-đăng theo Công giáo thì các lễ hội, tập tục truyền thống tốt đẹp của đồng bào cũng dần thay đổi, biến dạng. Một số lễ hội truyền thống có tính cộng đồng như lễ cúng bến nước, lễ cúng cơm mới,... hiện không còn được duy trì [7].

Ngoài ra, trong nhiều năm qua, một số hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện ở cộng đồng các tộc người thiểu số, nhất là ở khu vực Tây Nguyên đã có tác động không nhỏ đến đời sống kinh tế - xã hội - văn hóa cũng như tình hình an ninh trật tự ở nơi các tộc người thiểu số cư trú. Phần lớn các hiện tượng tôn giáo mới đều tuyên truyền và thực hành những hoạt động liên quan đến mê tín dị đoan, vận động tín đồ không tham gia các lễ hội và sinh hoạt văn hóa chung của cộng đồng, không thực hiện các phong tục tập quán và tín ngưỡng truyền thống của dân tộc, đồng thời phủ nhận các tôn giáo chính thống,... Do đó, đời sống văn hóa của người tin theo bị bó hẹp, góp phần làm mất đi các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong bộ phận dân cư tin theo [3].

Có thể thấy, khi chuyển đổi sang một hình thái tôn giáo tín ngưỡng mới, những giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người đã có sự biến đổi mạnh mẽ. Bởi các giá trị văn hóa cổ truyền tiêu biểu của các tộc người từ nghi lễ, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, cho đến luật tục, các loại hình nghệ thuật... đều là tấm gương phản chiếu của tín ngưỡng đa thần. Khi nó bị triệt tiêu, được thay thế bằng tư tưởng độc thần tôn giáo thì mặc nhiên nó sẽ mất đi cơ sở tồn tại và chỗ dựa tâm linh vững chắc. Và con đường để truyền bá tư tưởng độc thần tôn giáo vào sâu trong đời sống tinh thần đồng bào là khiến họ từ bỏ các giá trị truyền

thống, phai nhạt cội nguồn dân tộc, từ đó từng bước thiết lập và hình thành những phong tục, tập quán, lối sống mới theo quy tắc và chuẩn mực của tôn giáo.

3.4. Yếu tố chính sách

Từ khi bước vào công cuộc Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành rất nhiều chính sách nhằm phát triển đời sống kinh tế - xã hội của các tộc người thiểu số ở nước ta. Theo thống kê của Nguyễn Lâm Thành, tại vùng miền núi phía Bắc, chỉ tính từ năm 2006 đến năm 2012, đã có 211 chính sách chung và chính sách đặc thù cho vùng này liên quan đến phát triển. Bên cạnh những chính sách nêu trên, còn có những quan điểm, chủ trương, chính sách không liên quan trực tiếp đến các dân tộc thiểu số nhưng vẫn có tác động sâu sắc tới các tộc người. Ví dụ, quan điểm chỉ đạo về văn hóa, mà trọng tâm là giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, được thể hiện qua nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII); Nghị quyết hội nghị Trung ương 9 (khóa XI). Những quan điểm chỉ đạo đó tạo nên sự thay đổi to lớn ở nhiều vùng dân tộc và nhiều tộc người [6].

Thông qua việc thực hiện các chính sách về kinh tế - xã hội, sự thay đổi về kinh tế, hạ tầng cơ sở tạo thuận lợi cho các hoạt động giao lưu, buôn bán giữa các tộc người phát triển; từ đó có tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa của đồng bào, nhất là đời sống văn hóa vật chất. Điều này được thể hiện qua sự biến đổi của các thành tố văn hóa vật chất như ăn, mặc, ở: nhiều tộc người đã chuyển từ sinh sống trong những ngôi nhà truyền thống (nhà sàn, nhà nửa sàn nửa đất, nhà trình tường, nhà dài,...) sang ở nhà trệt, nhà kiên cố

được xây bằng những nguyên vật liệu mới như gạch, đá, xi-măng,...; chuyển từ mặc trang phục truyền thống của dân tộc sang những bộ trang phục hiện đại theo kiểu của người Kinh (quần âu, quần jean, áo sơ mi, áo phông);... Bên cạnh đó, đời sống văn hóa tinh thần của các tộc người thiểu số tuy vẫn được gìn giữ đậm nét hơn song cũng có sự biến đổi trên nhiều khía cạnh như một số phong tục tập quán bị mai một, các nghi lễ tín ngưỡng không còn được thực hiện thường xuyên và có sự giản lược về hình thức và thời gian tổ chức. Trong một nghiên cứu về chính sách đối với dân tộc thiểu số đã phân tích cho thấy những tác động tiêu cực đến văn hóa gây ra từ chính các chính sách: văn hóa phi vật thể bị mai một, sự đứt gãy của cấu trúc truyền thống, bất bình đẳng trong văn hóa, sự mất mát của tri thức bản địa, luật tục, thực hành tôn giáo tín ngưỡng truyền thống [8].

Các chính sách về di dân, di cư đã làm biến đổi đời sống văn hóa của các tộc người thiểu số trên tất cả các khía cạnh. Khi không gian văn hóa thay đổi tất yếu dẫn đến sự biến đổi trong thực hành văn hóa, khiến cho nhiều phong tục tập quán, nghi lễ tín ngưỡng truyền thống của các tộc người thiểu số không còn phù hợp và dần bị mai một.

Bên cạnh đó, các chương trình tuyên truyền để xây dựng đời sống văn hóa mới và con người mới ở nông thôn, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới xin, tang ma, lễ hội đã có tác động rất lớn đến tất cả mọi mặt của đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng người dân tộc thiểu số. Theo đó, các tộc người phải từ bỏ “lối sống cũ” để học cách sống, tư duy và hành xử theo mô hình con người mới xã hội chủ nghĩa; bỏ các thực hành văn hóa và tôn giáo có tính “mê tín dị đoan” và “lạc hậu”. Hệ quả là,

chỉ trong một thời gian ngắn, một số thực hành văn hóa và nghi lễ tín ngưỡng bị liệt kê vào danh sách phải xóa bỏ.

3.5. Yếu tố hiện đại hóa, kinh tế thị trường và toàn cầu hóa

Nền kinh tế thị trường kết hợp các yếu tố hiện đại hóa, toàn cầu hóa đã làm chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhanh chóng, có tác động mạnh mẽ đến hầu hết mọi mặt của đời sống các tộc người, trong đó có đời sống văn hóa. Họ đã từng bước thay đổi tư duy trong cách làm ăn, sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất,... Do đó, phần lớn các tri thức dân gian trong hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống đang dần được thay thế bởi những tri thức mới để phù hợp với kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc các loại cây con giống mới. Các nghi thức, nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp theo đó cũng dần bị mai một hoặc ít khi được thực hành. Hiện người Dao đã bỏ những lễ cúng không còn phù hợp như lễ cúng trừ sâu bọ phá hoại ngô lúa, lễ cúng ma ruộng, ma đồng hay ở người Ba-na hiện chỉ còn một số ít người cao tuổi còn tiến hành các nghi lễ cúng rầy.

Tiếp đến, trong quá trình giao lưu, trao đổi hàng hóa, các tộc người đã thiết lập các mối quan hệ mới ngoài mối quan hệ nội tộc người, nhờ đó họ đã tiếp thu các giá trị văn hóa mới. Điều này đã làm mai một nhanh chóng các đặc điểm văn hóa vật chất truyền thống đã từng tồn tại lâu đời ở mỗi tộc người. Các tộc người thiểu số đã cơ bản hòa nhập với lối sống của người Kinh về cấu trúc và khuôn viên nhà ở, trang phục, món ăn thường ngày.

Để hòa nhập và thuận tiện trong hoạt động giao lưu mua bán hàng hóa, các tộc người

thiểu số buộc phải học tiếng phổ thông (tiếng Việt). Tuy nhiên, việc sử dụng ngày càng phổ biến ngôn ngữ phổ thông khiến cho việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ trong gia đình các tộc người thiểu số bị suy giảm đáng kể và kéo theo là sự mai một dần các câu chuyện truyền thuyết, cổ tích, ca dao, tục ngữ, các làn điệu dân ca... của tộc người do không có môi trường để diễn xướng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa tạo ra bởi mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia, các tổ chức hay cá nhân ở góc độ văn hóa, kinh tế... trên quy mô toàn cầu. Toàn cầu hóa có thể tạo ra sự đa dạng cho các cá nhân do họ được tiếp xúc với các nền văn hóa và văn minh khác nhau; hoặc tạo ra sự đồng nhất đối với các dân tộc qua ảnh hưởng của các dòng chảy thương mại và văn hóa mạnh. Điều đó có nghĩa là toàn cầu hóa đã tạo điều kiện cho giao lưu, giao thoa văn hóa phát triển trên bình diện toàn thế giới. Theo đó, các giá trị văn hóa tộc người tồn tại hàng nghìn năm đã có sự biến đổi với tốc độ ngày càng nhanh. Trong các giá trị văn hóa truyền thống thể hiện bản sắc tộc người thì các giá trị văn hóa vật chất là tiêu biểu nhất. Trước kia và cả hiện nay, khi xem xét về một tộc người nào đó, người ta thường nhìn vào các hiện tượng cụ thể của nhà cửa, trang phục, ăn uống, các phương tiện vận chuyển, đi lại để phân biệt các cộng đồng tộc người khác nhau. Tuy nhiên, cùng với quá trình toàn cầu hóa, khi tốc độ giao lưu, tiếp xúc văn hóa giữa các nền văn hóa đang diễn ra mạnh mẽ, nhanh chóng thì các đặc trưng văn hóa thể hiện qua các thành tố văn hóa vật chất tiêu biểu như ăn, mặc, ở... dần có nguy cơ bị “cào bằng” sự khác biệt, độc đáo. Đối với các quốc gia đa tộc người thì sự biến đổi thường hướng tới các giá trị văn hóa hiện hữu

của cộng đồng đa số. Ở nước ta, đích nhắm tới của các cộng đồng tộc người thiểu số là các giá trị văn hóa của người Kinh.

Hiện nay, các yếu tố văn hóa mới mang tính hiện đại và toàn cầu hóa về văn hóa được tiếp sức bởi mạng xã hội, internet, cùng với các hoạt động di chuyển lao động, di cư xuyên biên giới, truyền giáo... đang thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng giao lưu văn hóa và mở rộng ảnh hưởng văn hóa giữa các tộc người thiểu số. Điều này đã giúp các tộc người thiểu số không chỉ nâng cao nhận thức, mở rộng tầm hiểu biết mà còn giúp họ tiếp thu những giá trị văn hóa mới, thay đổi quan niệm thẩm mỹ, từ đó dẫn tới sự thay đổi trong thực hành văn hóa. Tuy nhiên, các giá trị văn hóa mới, hiện đại khiến cho họ xem nhẹ và quay lưng lại với các giá trị truyền thống. Xu hướng này đã, đang và sẽ làm cho đời sống văn hóa các tộc người thiểu số ở nước ta, đặc biệt là các giá trị văn hóa truyền thống, biến đổi nhanh chóng, tạo áp lực rất lớn đối với việc duy trì bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Kết luận

Văn hóa là phạm trù lịch sử, là một hình thái ý thức xã hội có môi trường phát sinh, có điều kiện phát triển và biến đổi. Và sự biến đổi các giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số chịu tác động tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó nguyên nhân chính phải kể đến là sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước cũng như sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Ngoài các yếu tố chủ quan, văn hóa cũng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan xuất phát từ

bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ của đất nước trong thời kỳ mới.

Dưới tác động của các yếu tố trên, đời sống văn hóa các tộc người thiểu số, nhất là đời sống văn hóa vật chất đã có những thay đổi lớn, góp phần lược bỏ dần những yếu tố mang tính bảo thủ, cổ hủ, lạc hậu trong văn hóa truyền thống và bổ sung các yếu tố mới làm hiện đại, phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc mình, hướng tới đưa “văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển”. Tuy nhiên, bên cạnh những thay đổi tích cực thì các tác động đó cũng làm mai một những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp tộc người, đồng thời cũng dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề tôn giáo - tín ngưỡng gây xung đột sắc tộc, làm bất ổn về chính trị. Vì vậy, cần nhận thức rõ các yếu tố tác động để đưa ra những giải pháp thiết thực, đồng bộ để không chỉ bảo tồn, xây dựng và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa và con người vùng dân tộc thiểu số, mà còn bảo đảm sự phát triển đất nước một cách bền vững trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Bạch Đằng (2015) “Giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 377.
- [2] Lưu Hùng (2008) “Người Ba-na làng Kon Rbàng”, *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, t.6, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Minh (2017), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [4] Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam: truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5] Ngô Đức Thịnh (2002), “Thực trạng và một số vấn đề phát triển đời sống văn hóa của các tộc người thiểu số ở nước ta hơn 10 năm qua”, *Phát triển bền vững miền núi Việt Nam - 10 năm nhìn lại và những vấn đề đặt ra*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- [6] Dẫn theo Vương Xuân Tình (2015) *Các dân tộc ở Việt Nam*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
- [7] Vương Xuân Tình (2017), *Các dân tộc ở Việt Nam*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
- [8] Hoàng Cẩm, Phạm Quỳnh Phương (2012), “Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa, sinh kế tộc người”, <http://isee.org.vn/wp-content/uploads/2018/11/dien-ngon-chinh-sach-va-su-bien-doi-van-hoa-sinh-ke-toc-nguoi..pdf>, truy cập ngày 10/6/2020.
- [9] Nguyễn Thị Hoài Phương (2013), “Một số lưu ý trong vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay”, <http://tapchidantoc.ubdt.gov.vn/2013-06-21/e4ae75004011b41c93c0bb3da27dd78c-cema.htm>, truy cập ngày 10.6.2020.